

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36 /2015/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 05 tháng 11 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định mức trần thù lao công chứng và
mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn, các tổ chức hành nghề công chứng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: NC, HC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2015/QĐ-UBND ngày 05/11/2015
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

Điều 1. Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định mức trần thù lao công chứng đối với các tổ chức hành nghề công chứng (Phòng Công chứng, Văn phòng công chứng) và mức trần chi phí chứng thực đối với Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) trên địa bàn tỉnh.

2. Người yêu cầu công chứng phải trả thù lao khi yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

3. Người yêu cầu chứng thực tại các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản thì phải nộp chi phí để thực hiện việc đó.

Điều 2. Mức trần thù lao công chứng

1. Soạn thảo (bao gồm soạn, đánh máy, in ấn) các hợp đồng, giao dịch và các việc khác liên quan đến công chứng.

a) Soạn thảo hợp đồng, giao dịch về các loại về bất động sản, động sản là xe ô tô, tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa, di chúc, văn bản khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản: tối đa 120.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

b) Soạn thảo hợp đồng mua bán, tặng cho xe mô tô, gắn máy: tối đa 50.000 đồng/hợp đồng.

c) Soạn thảo giấy ủy quyền, văn bản từ chối nhận di sản, thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng, giao dịch: tối đa 100.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

d) Soạn thảo các loại hợp đồng, giao dịch khác: tối đa 70.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.

2. Đánh máy, sao chụp giấy tờ, văn bản công chứng

a) Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm in văn bản): tối đa 5.000 đồng/trang giấy A4.

b) Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản: tối đa 500 đồng/trang đối với giấy A4 và 2.000 đồng/trang đối với giấy A3.

3. Dịch giấy tờ, văn bản

a) Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài áp dụng đối với các loại giấy tờ, văn bản, chứng chỉ theo quy định pháp luật có biểu mẫu: tối đa 60.000 đồng/trang giấy A4.

b) Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt, từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài: tối đa 100.000 đồng/trang giấy A4 (350 từ).

Trường hợp hơn $\frac{1}{2}$ trang (từ 175 từ trở lên) nhưng chưa đủ 01 trang, mức thu được tính bằng 01 trang.

Trường hợp chưa tới $\frac{1}{2}$ trang (dưới 175 từ), mức thu được tính bằng $\frac{1}{2}$ mức thu nêu trên.

4. Người yêu cầu công chứng chỉ trả thù lao khi có yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng thực hiện việc soạn thảo hợp đồng, giao dịch, đánh máy, sao chụp, dịch giấy tờ, văn bản và các việc khác liên quan đến việc công chứng.

Trường hợp các hợp đồng, giao dịch liên quan đến việc công chứng do tổ chức, cá nhân tự soạn thảo bảo đảm các nội dung theo quy định của pháp luật thì các tổ chức hành nghề công chứng không được yêu cầu tổ chức, cá nhân trả thù lao soạn thảo hợp đồng, giao dịch, các văn bản được nêu tại Khoản 1 Điều 2 Quy định này.

Điều 3. Mức trần chi phí chứng thực

1. Đánh máy, in giấy tờ, văn bản: tối đa 5.000 đồng/trang giấy A4.

2. In giấy tờ, văn bản: tối đa 2.000 đồng/trang, từ trang thứ 3 trở đi tối đa 1.500 đồng/trang.

3. Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản: tối đa 500 đồng/trang đối với giấy A4 và 2.000 đồng/trang đối với giấy A3.

Điều 4. Quản lý, sử dụng mức trần thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực

Các cơ quan, tổ chức thu có trách nhiệm lập hóa đơn tài chính, phiếu thu cho đối tượng nộp theo quy định của Bộ Tài chính; quản lý, sử dụng thù lao công chứng, chi phí chứng thực và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Sau 05 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, căn cứ mức trần các loại thù lao công chứng và mức trần chi phí chứng thực quy định tại Điều 2, Điều 3

Quy định này, các tổ chức hành nghề công chứng, Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải xác định mức thù lao công chứng và chi phí chứng thực bằng văn bản đối với từng loại việc cụ thể nhưng không được vượt quá mức trần quy định tại Quy định này; đồng thời thông báo bằng văn bản cho Sở Tư pháp biết.

- Niêm yết đầy đủ, công khai tại trụ sở của cơ quan, tổ chức tại vị trí thuận lợi nhất cho người yêu cầu công chứng, chứng thực được biết; đồng thời có trách nhiệm giải thích rõ cho người có yêu cầu công chứng, chứng thực về mức thù lao công chứng và chi phí chứng thực.

2. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì, phối hợp Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh kiểm tra, giám sát các cơ quan, tổ chức hành nghề công chứng trong việc thu các khoản thù lao công chứng, chi phí chứng thực và xử lý hành vi vi phạm theo quy định pháp luật.

3. Sở Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn việc thu, quản lý, sử dụng các khoản thù lao công chứng và chi phí chứng thực cho cơ quan, tổ chức thu theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(đã ký)

Nguyễn Trung Hiếu